

Số: /BC-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả công tác cải cách hành chính Quý III năm 2023, phương hướng nhiệm vụ Quý IV năm 2023

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang báo cáo kết quả công tác CCHC Quý III năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ Quý IV năm 2023 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

Ngay từ đầu năm, công tác CCHC được các cấp, các ngành tỉnh Bắc Giang tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, kịp thời ban hành các văn bản để tổ chức thực hiện có hiệu quả, cụ thể: Kế hoạch triển khai Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bắc Giang¹; Kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” năm 2023 và các năm tiếp theo²; Kế hoạch về CCHC nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2023³, Kế hoạch thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) và cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2023⁴, Kế hoạch về tuyên truyền CCHC nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2023⁵, Kế hoạch khảo sát, đánh giá Năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố thuộc tỉnh Bắc Giang (DDCI) năm 2023⁶.

Ngày 09/6/2023, UBND tỉnh tổ chức Hội nghị gặp mặt, đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp tỉnh Bắc Giang năm 2023. Tại hội nghị, các doanh nghiệp kiến nghị nhiều nội dung, đã được lãnh đạo tỉnh trả lời và có biện pháp tháo gỡ, giải quyết kịp thời.

Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ do đồng chí Trần Duy Đông – Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng đoàn đã tiến hành kiểm tra về công tác CCHC và một số nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ cũng đã kiểm tra công tác CCHC tại Bắc Giang theo chuyên đề.

¹ Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 25/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

² Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 07/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

³ Kế hoạch số 6478/KH-UBND ngày 26/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh

⁴ Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 06/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

⁵ Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 18/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

⁶ Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 14/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

Tổ chức cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu và sáng kiến về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh Bắc Giang” năm 2023, qua đó phát hiện và nghiên cứu áp dụng sáng kiến hay về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tỉnh Bắc Giang. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC đối với các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang⁷ nhằm đánh giá chính xác kết quả thực hiện CCHC của các cơ quan, địa phương.

Triển khai các sáng kiến, mô hình, giải pháp mới trong công tác CCHC: ứng dụng mã QR trong tra cứu TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết hồ sơ, thanh toán trực tuyến, khảo sát sự hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC, tuyên truyền về TTHC; xây dựng App Dịch vụ công Bắc Giang và hệ thống thông tin phản ánh hiện trường trên địa bàn tỉnh Bacgiang-C; triển khai ký số trong giải quyết TTHC theo quy trình “5 bước trên môi trường điện tử”; triển khai nhiều mô hình hay nhằm giải quyết một số TTHC nhanh cho tổ chức, công dân tại Bộ phận Một cửa cấp huyện và cấp xã (“Ngày thứ Sáu nhanh”, “Ngày thứ Hai không hẹn”, “Thứ Sáu không hẹn, không viết”, “Ngày Chủ nhật vì dân”, “Ngày Thứ Năm 3 không: không giấy tờ, không dùng tiền mặt, không tiếp xúc trực tiếp với cán bộ một cửa”...), qua đó giúp nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức khi thực hiện TTHC.

Báo Bắc Giang, Đài PTTH tỉnh phối hợp với các cơ quan, địa phương lựa chọn nội dung tiêu biểu về CCHC để tuyên truyền. Báo chí Trung ương quan tâm, theo dõi, phản ánh về công tác CCHC trên địa bàn tỉnh Bắc Giang⁸.

Công tác kiểm tra CCHC và kiểm tra đột xuất về kỷ luật, kỷ cương hành chính: Tiếp tục thực hiện Kế hoạch⁹ kiểm tra thực hiện nhiệm vụ CCHC, thực hiện ISO, chuyển đổi số năm 2023 tại 09 cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh¹⁰. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch¹¹ tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra công vụ năm 2023 tại 06 cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh¹². Qua kiểm tra, các cơ quan, đơn vị cơ bản thực hiện tốt công tác CCHC, thực hiện ISO, chuyển đổi

⁷ Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 03/8/2023

⁸ Một số tin, bài tiêu biểu: Nâng điểm chỉ số giảm thứ hạng, giữ vững tốp đầu cả nước; Trung tâm IOC TP Bắc Giang: “Bộ não” của đô thị thông minh; Bắc Giang triển khai kế hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; Bắc Giang chủ động nâng hạng CCHC; Bắc Giang: Khuyến khích người dân gửi, nhận hồ sơ qua bưu điện; Bắc Giang: Sở NN&PTNT hạn chế tình trạng trả lại hồ sơ TTHC; Xây dựng mô hình chính quyền thân thiện bảo đảm thực chất, vì nhân dân phục vụ; Dấu ấn CCHC Bắc Giang sau nửa nhiệm kỳ; TTHC trước hạn, cách làm của Trung tâm phục vụ hành chính công; Cải cách thủ tục thuế, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; Bắc Giang: Kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp, nâng điểm chỉ số PCI; Bắc Giang: Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền giải quyết TTHC; Bắc Giang triển khai thực hiện quy định về tinh giản biên chế; Bắc Giang ủy quyền cho cấp huyện cấp phép khai thác khoáng sản; Giảm thủ tục, tạo thuận lợi cho dân; Nâng cao Chỉ số PCI đối với chỉ số thành phần “Tinh năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh”; Xếp thứ 9 về chuyển đổi số - Nỗ lực của Bắc Giang; Bắc Giang tăng cường cải cách TTHC; Sở Tài nguyên và Môi trường: Tích cực CCHC phục vụ người dân, doanh nghiệp; Bắc Giang: Giám sát an ninh, hướng tới đô thị thông minh nhờ “mắt thần” và “bộ não số”; Bắc Giang: Tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký thành lập qua dịch vụ công trực tuyến cao thứ 2 toàn quốc; Bắc Giang: Thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp...

⁹ Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 01/3/2023

¹⁰ Sở Công thương, Sở Tư pháp, Sở Ngoại vụ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, UBND huyện Hiệp Hòa, UBND huyện Yên Thế, UBND huyện Lạng Giang

¹¹ Kế hoạch số 05/KH-TKTCV ngày 12/01/2023

¹² Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ; Trường THPT Chuyên Bắc Giang; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND Tân Yên, Lục Nam, Yên Dũng

số và quy chế văn hóa công sở. Tuy nhiên, còn một số tồn tại hạn chế, Tổ kiểm tra đã nhắc nhở kịp thời, đề nghị người đứng đầu cơ quan, đơn vị có biện pháp khắc phục ngay.

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao: Đến hết quý III/2023, Văn phòng Chính phủ đã giao 149 nhiệm vụ trên hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Chính phủ. Trong đó, có 64 nhiệm vụ đã hoàn thành, 04 nhiệm vụ chờ xác nhận, 81 nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thường xuyên được chú trọng, tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị¹³ của Chủ tịch UBND tỉnh về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành VBQPPL và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật (THPL) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Trong quý III/2023, HĐND tỉnh ban hành 14 Nghị quyết; UBND tỉnh ban hành 11 Quyết định; UBND cấp huyện ban hành 12 văn bản QPPL đảm bảo đúng quy trình theo pháp luật. Các sở đã xây dựng, gửi Sở Tư pháp tham gia ý kiến 68 dự thảo văn bản, thẩm định 13 dự thảo VBQPPL và 01 đề nghị xây dựng Nghị quyết, hoàn thiện 08 dự thảo VBQPPL. Các VBQPPL được xây dựng và ban hành đúng quy định về quy trình, thủ tục, thẩm quyền, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL tiếp tục được quan tâm thực hiện. Triển khai Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản và công tác pháp chế năm 2023¹⁴. Ban hành Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra văn bản hành chính và công tác pháp chế tại Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Kiểm tra công tác văn bản của HĐND, UBND huyện Sơn Động ban hành từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 30/6/2023 và kiểm tra văn bản theo thẩm quyền trong lĩnh vực tài chính. Ban hành Thông báo Kết luận kiểm tra theo thẩm quyền văn bản do HĐND, UBND các huyện, thành phố ban hành trong lĩnh vực xây dựng. Tiếp tục cập nhật các VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật.

Công tác theo dõi THPL: Triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện công tác theo dõi THPL trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2023 và Kế hoạch theo dõi THPL trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2023. Trong Quý III năm 2023, kiểm tra về tình hình THPL trong lĩnh vực quản lý viên chức tại huyện Lục Nam, Việt Yên và Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Cải cách TTHC

Trong Quý III năm 2023, các sở, ngành đã rà soát, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 21 Quyết định công bố TTHC, thuộc các lĩnh vực: Y tế¹⁵, Kế

¹³ Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 31/12/2020

¹⁴ Kế hoạch số 6424/KH-UBND ngày 22/12/2022

¹⁵ Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 30/7/2023; Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 22/8/2023

hoạch và Đầu tư¹⁶, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn¹⁷, Ngoại vụ¹⁸, Tài chính¹⁹, Thông tin và Truyền thông²⁰, Văn hóa Thể thao và Du lịch²¹, Xây dựng²², Tài nguyên và Môi trường²³, Khoa học và Công nghệ²⁴. Các TTHC được cập nhật, công khai kịp thời trên Cổng Dịch vụ công (DVC) Quốc gia, Cổng DVC của tỉnh, Cổng thông tin điện tử (TTĐT) các cơ quan, địa phương.

Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 14/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2023; ban hành Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa TTHC năm 2023 với 23 TTHC²⁵.

Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục TTHC thực hiện “5 tại chỗ” (*tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, đóng dấu, trả kết quả*) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (47 TTHC) và Bộ phận Một cửa cấp huyện (12 TTHC)²⁶. Tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp, thường xuyên cập nhật, niêm yết công khai các TTHC mới ban hành, thực hiện tốt công tác giám sát, theo dõi, đôn đốc việc tiếp nhận và trả kết quả TTHC của các cấp, các ngành không để xảy ra tình trạng gây khó khăn, phiền hà, cho người dân và doanh nghiệp khi giải quyết TTHC.

Tiếp tục thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC theo Kế hoạch²⁷ của tỉnh. Đến nay, đã thực hiện số hóa 100% kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực, có sử dụng lại dữ liệu thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Công văn số 1726/UBND-TTPVHCC ngày 11/4/2023 về việc thực hiện nghiêm quy trình số hóa hồ sơ và hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

Thực hiện Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ; trong đó các cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thống kê TTHC nội bộ; đang tiếp tục rà soát để thực hiện công bố TTHC nội bộ theo đề nghị của các Bộ, ngành Trung ương.

Ban hành Kế hoạch triển khai cung cấp 02 Dịch vụ công liên thông Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi và Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng phí trên địa bàn tỉnh Bắc Giang²⁸ nhằm thống nhất, đồng bộ 02 nhóm TTHC liên thông. Ban hành

¹⁶ Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 01/8/2023; Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 19/8/2023

¹⁷ Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 01/8/2023; Quyết định số 1172/QĐ-UBND ngày 09/8/2023

¹⁸ Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 08/8/2023

¹⁹ Quyết định số 1020/QĐ-UBND ngày 17/7/2023; Quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 06/8/2023

²⁰ Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 30/7/2023

²¹ Quyết định số 1190/QĐ-UBND ngày 27/7/2023; Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 30/7/2023

²² Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 12/7/2023; Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 16/7/2023; Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 28/7/2023.

²³ Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 04/7/2023; Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 16/7/2023

²⁴ Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 14/7/2023.

²⁵ Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 11/9/2023.

²⁶ Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 07/8/2023.

²⁷ Kế hoạch số 1677/KH-UBND ngày 22/4/2021 về số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

²⁸ Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 09/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Quyết định phê duyệt quy trình giải quyết TTHC “5 bước trên môi trường điện tử” phục vụ số hóa, bóc tách dữ liệu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Tiếp nhận, xử lý kịp thời có hiệu quả các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, người dân về những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong việc thực hiện quy định, TTHC. Trong Quý III năm 2023, tỉnh Bắc Giang đã tiếp nhận 05 phản ánh, kiến nghị của người dân liên quan đến quy định, TTHC; các phản ánh được xem xét, xử lý xong đảm bảo theo quy định và công khai kết quả xử lý trên Cổng DVC Quốc gia.

Qua tổng hợp số liệu công khai trên Cổng DVC tỉnh, kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Bắc Giang Quý III năm 2023 như sau:

- Cấp tỉnh: tiếp nhận 59.790 hồ sơ; đã giải quyết 54.106 hồ sơ, trong đó giải quyết trước và đúng hạn 53.726 hồ sơ (tỷ lệ 99,3%).

- Cấp huyện: tiếp nhận 27.699 hồ sơ; đã giải quyết 24.577 hồ sơ, trong đó giải quyết đã giải quyết trước và đúng hạn 24.397 hồ sơ (tỷ lệ 99,27%).

- Cấp xã: tiếp nhận 79.775 hồ sơ; đã giải quyết 77.985 hồ sơ, trong đó giải quyết đã giải quyết trước và đúng hạn 77.049 hồ sơ (tỷ lệ 98,8%).

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương: Đã tổ chức lại Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh²⁹, đồng thời triển khai Kết luận số 50-KL/TW³⁰.

- Kết quả sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC): HĐND tỉnh đã thông qua chủ trương thành lập thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang và thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên; đang triển khai xây dựng “Đề án nhập địa giới hành chính huyện Yên Dũng với thành phố Bắc Giang và thành lập các phường thuộc thành phố Bắc Giang” và ; “Đề án sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn và huyện Sơn Động để chia tách thành lập thị xã Chũ và thành lập các phường thuộc thị xã Chũ; thành lập thị trấn Phì Điền, thị trấn Biền Động thuộc huyện Lục Ngạn”. Ban hành kế hoạch sắp xếp ĐVHC cấp xã, giai đoạn 2023 -2030³¹; đang hoàn thiện phương án tổng thể để xin ý kiến Bộ Nội vụ.

- Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương: Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo³².

- Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức tại cơ quan, địa phương: Tỉnh đã thực hiện giao biên chế công chức hành chính, quyết định

²⁹ Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang

³⁰ Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 16/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Kế hoạch số 86-KH/TU ngày 05/5/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

³¹ Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh

³² Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh

biên chế sự nghiệp năm 2023, bảo đảm đúng số lượng biên chế được giao. Xây dựng Kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024. Báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhu cầu biên chế giáo viên năm học 2023-2024.

- Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương: Trong Quý III năm 2023, đã thực hiện ủy quyền một số nội dung thuộc lĩnh vực tài nguyên khoáng sản³³. Đồng thời, đang giao Sở Kế hoạch - Đầu tư rà soát, đề xuất tiếp tục đẩy mạnh việc phân cấp ủy quyền giải quyết TTHC.

- Về tinh giản biên chế: Trong Quý III năm 2023, thực hiện chế độ chính sách tinh giản biên chế đối với 53 trường hợp.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm (VTVL) của công chức, viên chức: Phê duyệt đề án vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang, Trường Cao đẳng miền núi Bắc Giang; có văn bản về xây dựng Đề án vị trí việc làm Trung tâm Phát triển Quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện Hiệp Hòa.

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức: Triển khai thi tuyển công chức, xét tuyển viên chức năm 2023 (kết quả tuyển dụng được 15 công chức, 87 viên chức³⁴). Triển khai Kế hoạch tuyển dụng giáo viên, giảng viên tỉnh Bắc Giang năm 2023; kết quả tuyển dụng 505 giáo viên, giảng viên.

- Nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức: Triệu tập cán bộ, công chức, viên chức tham dự kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hành chính lên Chuyên viên cao cấp năm 2023 (17 người).

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Trong Quý III/2023, tổ chức mở 07 lớp Bồi dưỡng kiến thức pháp luật về phòng, chống tham nhũng; 03 lớp bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; 02 lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh (đối tượng 3).

- Hướng dẫn bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, địa phương, đơn vị cập nhật dữ liệu trên phần mềm Quản lý thông tin cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Giang; báo cáo Bộ Nội vụ việc kết nối, đồng bộ dữ liệu phần mềm Quản lý thông tin CBCCVC tỉnh Bắc Giang với CSDLQG về CBCCVC.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại địa phương.

³³ Quyết định số 967b/QĐ- UBND ngày 31/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện một số nội dung về lĩnh vực tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

³⁴ Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng tuyển công chức, viên chức năm 2023

+ Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được Chính phủ giao: Thu cân đối NSNN đến ngày 31/8/2023: 9.901.395 triệu đồng, đạt 65,9% dự toán năm.

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Tổng kế hoạch vốn đầu tư công giao năm 2023 là 8.007 tỷ đồng. Ước đến 30/9/2023, tổng số vốn giải ngân (bao gồm vốn kéo dài) là 6.832 tỷ đồng, đạt 85,3% kế hoạch vốn TTCP giao, đạt 85,3% kế hoạch tỉnh giao.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: xử lý đối với tài sản của Bệnh viện dã chiến số 6 phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19; sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định của Chính phủ; Phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất theo đề nghị của các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh gồm: Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, phê duyệt phương án giữ lại tiếp tục sử dụng của Hội Nông dân tỉnh và điều chỉnh phương án sắp xếp lại của UBND huyện Lạng Giang.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các Nghị định thực hiện đổi mới cơ chế tài chính hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập: Đến nay, tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện là 840/840 đơn vị, đạt 100%, trong đó:

- + Đơn vị tự bảo đảm chi đầu tư: Không.
- + Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: 47 đơn vị.
- + Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 363 đơn vị.
- + Đơn vị nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 430 đơn vị.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương: Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với phần mềm Kho dữ liệu số³⁵ và Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh³⁶; Kế hoạch vận hành Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Bắc Giang³⁷; ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Bắc Giang³⁸; thành lập Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng³⁹; ban hành Danh mục dữ liệu mở năm 2023⁴⁰.

- Về hạ tầng công nghệ thông tin:

+ Tiếp tục duy trì, quản trị, vận hành các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; tiếp tục duy trì, thuê đường truyền số liệu chuyên dùng của VNPT kết nối từ Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đến 10 huyện, thành phố, 209 xã, phường thị trấn và 10 Văn phòng quản lý đất

³⁵ Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 09/02/2023

³⁶ Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 09/02/2023

³⁷ Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 27/02/2023

³⁸ Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 26/4/2023

³⁹ Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 04/5/2023

⁴⁰ Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 17/5/2023

đại các huyện, thành phố; thuê đường truyền mạng WAN kết nối các sở, ngành thuộc UBND tỉnh đảm bảo vận hành các ứng dụng dùng chung hiện có của tỉnh.

+ Triển khai Dự án Xây dựng Trung tâm dữ liệu chuyên đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025. Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) tỉnh giai đoạn 1 đã được đầu tư xây dựng⁴¹. Thành lập Tổ vận hành Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường và Tổ vận hành Hệ thống tổng hợp thông tin kinh tế - xã hội trong Trung tâm IOC tỉnh.

+ Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 1 đã thực hiện tích hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu/các kho dữ liệu chuyên ngành của tỉnh; xử lý, làm sạch dữ liệu, hình thành 07 cơ sở dữ liệu dùng chung phù hợp với kiến trúc Chính quyền điện tử (phiên bản 2.0) và các quy định, yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đến nay, tỉnh tiếp tục thực hiện xây dựng, phát triển Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2, hoàn thành trong năm 2023.

- Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ:

+ Cổng thông tin không gian (SDI) của tỉnh đã xây dựng để tạo nền tảng triển khai các ứng dụng công nghệ tiên tiến vào quản lý phát triển đô thị nhằm thúc đẩy tiến trình xây dựng phát triển đô thị thông minh. Trong 6 tháng đầu năm 2023, tỉnh đã tổ chức tập huấn sử dụng cho các ngành, địa phương để cung cấp kịp thời dữ liệu “sạch, sống, đủ” cho Cổng thông tin không gian của tỉnh; tiếp tục nâng cấp Cổng thông tin không gian năm 2023.

+ Tiếp tục duy trì, phát triển các hệ thống thông tin dùng chung và các phần mềm phục vụ chỉ đạo điều hành và chuyên ngành như: Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc và ký số; Hệ thống thư công vụ; Hệ thống Cổng TTĐT; Hệ thống Phòng họp không giấy tờ; Phần mềm theo dõi ý kiến chỉ đạo điều hành; Phần mềm số hóa, bản đồ hóa hệ thống thông tin cơ bản của tỉnh; Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh... tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung: Xây dựng Trung tâm dữ liệu chuyên đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025; Trung tâm điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) của tỉnh để giám sát, quản lý bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh.

+ Các sở, ngành, địa phương tập trung số hóa dữ liệu; thực hiện tiếp nhận, kế thừa, sử dụng các CSDL đã được Trung ương đầu tư, xây dựng và nâng cấp, phát triển CSDL dùng chung của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 của UBND tỉnh đảm bảo phù hợp với Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh.

- Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:

+ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh được phát triển trên cơ sở hợp nhất Hệ thống thông tin Một cửa điện tử và Cổng DVC. Đến nay, Hệ thống đã bổ sung các phân hệ chức năng phục vụ đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh

⁴¹ Cung cấp CSDL, thông tin tổng hợp chung và chi tiết về lĩnh vực chuyên môn của các sở, ngành và UBND huyện thành phố, các đơn vị trực thuộc nhằm mục tiêu phục vụ sự chỉ đạo quản lý điều hành của các cấp trên địa bàn toàn tỉnh được nhanh chóng, chính xác và hiệu quả.

nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước. Trong 6 tháng đầu năm 2023, đã thực hiện cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và Cổng DVC Quốc gia. Ban hành Kế hoạch nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp DVC trực tuyến trên địa bàn tỉnh năm 2023⁴².

+ Hệ thống Cổng DVC: Thực hiện Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng, tỉnh Bắc Giang hiện có 951 dịch vụ trực tuyến toàn trình và 806 dịch vụ trực tuyến một phần⁴³.

+ Kết quả thanh toán trực tuyến: Tích hợp, cung cấp thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện TTHC về đất đai cho hộ gia đình, cá nhân giữa Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh với Cổng DVC Quốc gia và phần mềm của Tổng Cục Thuế. Giảm 50% mức thu phí, lệ phí đối với một số TTHC khi nộp hồ sơ trực tuyến⁴⁴.

+ Thực hiện nghiêm túc 25/25 DVC thiết yếu được tích hợp lên Cổng DVC quốc gia. Bắc Giang đã kết nối chính thức Hệ thống CSDL quốc gia về dân cư với Cổng DVC và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh nhằm phục vụ Nhân dân khi thực hiện DVC.

+ Hệ thống truyền hình hội nghị trực tuyến: Được triển khai từ tỉnh đến 10 huyện, thành phố và 100% xã, phường, thị trấn, với tổng số 277 điểm cầu kết nối, 21 điểm cầu của ngành giáo dục và 13 điểm cầu của ngành y tế. Hệ thống hoạt động ổn định, phục vụ tốt các cuộc họp trực tuyến 4 cấp.

+ Hiện nay, Phần mềm số hóa, bản đồ hóa hệ thống thông tin cơ bản của tỉnh đã tích hợp được Bản đồ nền, Bản đồ quy hoạch Giao thông, Bản đồ các khu, cụm công nghiệp, Bản đồ quy hoạch sử dụng đất của thành phố Bắc Giang, huyện Việt Yên, Hiệp Hòa...; tích hợp Bản đồ quản lý các cột, trạm viễn thông BTS trên địa bàn... Sở Thông tin và Truyền thông đã tiếp tục phát triển phần mềm số hóa, bản đồ hóa hệ thống thông tin cơ bản của tỉnh gồm các nội dung xây dựng phần mềm đánh giá chỉ số chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang (chính quyền số, xã hội số, kinh tế số) tích hợp với hệ thống bản đồ nền của tỉnh.

+ Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Bắc Giang cấu hình 19/19 (đạt 100%) danh mục chế độ báo cáo trên hệ thống; thực hiện kết nối liên thông Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh với các hệ thống chuyên ngành phục vụ cung cấp số liệu báo cáo của một số lĩnh vực thông qua Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh (gồm: Hệ thống ICT Index, ISO Index, PAR Index, SSO, Cổng TTĐT của tỉnh) để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong việc cung cấp số liệu.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Công tác CCHC được Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác CCHC của tỉnh. Các văn

⁴² Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 17/5/2023

⁴³ Quyết định số 1146/QĐ-UBND ngày 06/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

⁴⁴ Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022

bản chỉ đạo, điều hành ban hành đầy đủ, kịp thời, tạo điều kiện cho các cơ quan, địa phương triển khai đồng bộ, hiệu quả.

Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp được duy trì hiệu quả, thời gian giải quyết TTHC cắt giảm, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Việc triển khai thực hiện công tác kiểm soát TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông đã được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ, quyết liệt; đã quán triệt thực hiện các quy định của Chính phủ và văn bản hướng dẫn, chỉ đạo.

Các ngành, các cấp tích cực, chủ động trong việc triển khai công tác kiểm soát TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông; các địa phương đã quan tâm đầu tư trang thiết bị, bố trí nhân sự bảo đảm cho tổ chức, hoạt động của Bộ phận Một cửa. Bộ phận Một cửa đã phát huy được vai trò là trung tâm kết nối giữa người dân và phòng, đơn vị chuyên môn; từng bước được củng cố, hiện đại hóa và ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động.

Công tác kiểm tra, giám sát được các cơ quan, địa phương tập trung triển khai, duy trì việc chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện mô hình “chính quyền thân thiện”, nâng cao ý thức, tác phong, tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức.

Thực hiện cung cấp DVC trực tuyến, việc kết nối liên thông giữa Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh với Cổng DVC Quốc gia và các phần mềm chuyên ngành bước đầu mang tính đồng bộ, góp phần tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC.

Công tác khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC tiếp tục được quan tâm triển khai, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là một trong các tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

Thực hiện nghiêm túc việc khai thác, tra cứu thông tin về nơi cư trú của công dân trên Cổng DVC của tỉnh có kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thay thế sổ hộ khẩu, sổ tạm trú tại bộ phận tiếp công dân giải quyết TTHC.

2. Những tồn tại, hạn chế

Số liệu tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến còn chưa sát với tình hình thực tế do một số TTHC miễn phí, lệ phí theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 12/07/2022; một số TTHC miễn phí, lệ phí nếu đăng ký đúng hạn; nếu quá hạn vẫn tính phí (Ví dụ: Miễn phí đối với trường hợp đăng ký khai sinh, khai tử, đăng ký kết hôn đúng hạn; trường hợp quá hạn thì tính phí, lệ phí).

Việc thực hiện 02 nhóm liên thông TTHC theo Đề án 06 của Chính phủ liên quan đến nhiều lĩnh vực cùng xử lý hồ sơ, nhiều hệ thống thông tin cùng thực hiện kết nối dữ liệu nên có lúc chưa được đồng nhất dữ liệu giữa các hệ

thông dẫn đến hồ sơ đồng bộ về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh bị chậm muộn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục triển khai các văn bản chỉ đạo của tỉnh về công tác CCHC, như: Kế hoạch CCHC nhà nước năm 2023, Kế hoạch kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2023, Kế hoạch tuyên truyền về CCHC tỉnh Bắc Giang năm 2023.

2. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế; nâng cao chất lượng ban hành VBQPPL; tăng cường công tác rà soát, kiểm tra, hệ thống hoá VBQPPL, kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các nội dung chồng chéo, mâu thuẫn, không còn phù hợp.

3. Nâng cao chất lượng công tác cải cách TTHC, thường xuyên rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết, đơn giản hoá TTHC, tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp khi giải quyết TTHC; tiếp tục thực hiện TTHC theo quy trình “5 bước trên môi trường điện tử”; triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về kiểm soát TTHC và cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Văn phòng Chính phủ.

4. Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách tổ chức bộ máy, thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý các ĐVSNCL theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt chính sách tinh giản biên chế, gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục thực hiện sắp xếp lại ĐVHC cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025. Tăng cường công tác kiểm tra, nhất là kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

5. Thực hiện tốt việc đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; công tác đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện nghiêm túc việc luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện nghiêm quy định về số lượng cấp phó trong cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định. Triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức tại các cơ quan, đơn vị, kịp thời rà soát, tham mưu điều chỉnh cho phù hợp với quy định mới của Trung ương, của tỉnh và tình hình thực tế tại cơ quan, địa phương. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành y tế năm 2023.

6. Tập trung triển khai các nhiệm vụ xây dựng thành phố thông minh, chính quyền điện tử, chính quyền số; Xây dựng Trung tâm dữ liệu chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025; Trung tâm điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) của tỉnh để giám sát, quản lý bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh; Nâng cấp, phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Bắc Giang (LGSP); Xây dựng Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2.

7. Tăng cường công tác thông tin, tuyên về công tác CCHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, việc giải quyết TTHC trên môi trường mạng, qua bưu chính công ích; các mô hình, sáng kiến, giải pháp, cách làm hay về CCHC.

Chủ tịch UBND tỉnh trân trọng báo cáo Bộ Nội vụ kết quả công tác CCHC tỉnh Bắc Giang quý III, phương hướng nhiệm vụ quý IV năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH;
 - + Công TTĐT tỉnh;
 - + Lưu: VT, NC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Sơn

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	50	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%		
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	56	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	40	
3.	Kiểm tra CCHC			
	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	10	
3.2	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	5	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	7	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	7	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy <i>(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>			
	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Số lượng	3	
4.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	100	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	149	
5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	64	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	1.420	
6.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	37	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	25	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	12	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	20	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	2	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	2	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	56	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	3	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	3	

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	23	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	135	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	27	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1.902	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>1.486</i>	
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>255</i>	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>155</i>	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	60	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	12	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,3	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>54.106</i>	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>53.726</i>	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,27	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>24.577</i>	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	24.397	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,8	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	77.985	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	77.049	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	5	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	5	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	2	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	0	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	858	
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>06</i>	
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>113</i>	
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>739</i>	
1.5.4.	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	<i>%</i>	<i>18,67</i>	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1964	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1899	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	229	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	53	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	18,04	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	32.526	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	31.360	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	41	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	14,27	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	802	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	15	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	592	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển <i>(Lũy kế từ đầu năm)</i>	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật <i>(cả về Đảng và chính quyền)</i>.			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	8.007.000	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	6.832.000	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	840	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	47	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	363	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	75	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	288	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	430	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.2	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số,</i>	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).			
5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100	
5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100	
5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp DVC trực tuyến			
6.1	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
6.1.1	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	951	
6.1.2	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	951	
6.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	94,16	
6.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	428	
6.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	403	
6.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	93,65	
6.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình	Hồ sơ	32.483	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	(gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)			
6.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	30.421	
6.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	83,43	
6.4.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	104.324	
6.4.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	87.034	
6.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	428	
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	428	